

BÀI 1

LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH

TRI THỨC TIẾNG VIỆT VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT										
*Em hãy đọc kĩ phần Tri thức tiếng Việt trong sgk/20 và phân biệt: từ đơn, từ phức, từ ghép, từ láy	I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt 1. Từ đơn và từ phức - Từ đơn: từ gồm có một tiếng VD: ăn,... - Từ phức: từ gồm 2 tiếng trở lên + Từ ghép: ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa VD: thơm phức,... + Từ láy: các tiếng có quan hệ láy âm VD: hăng hái,... 2. Nghĩa của một số thành ngữ thông dụng - Thành ngữ là một tập hợp từ cố định, quen dùng - Nghĩa của thành ngữ là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tính hình tượng và biểu cảm. VD: tay bắt mặt mừng: sự vồn vã, phấn khởi lộ ra bên ngoài của những người gặp nhau									
*Em hãy vận dụng lý thuyết để thực hành những bài tập trong sgk/29,30	II. Thực hành tiếng Việt Bài tập 1 <table><tr><th rowspan="2">Từ đơn</th><th colspan="2">Từ phức</th></tr><tr><th>Từ ghép</th><th>Từ láy</th></tr><tr><td>vùng, dãy, một, cái, bỗng, biến, thành, một, mình, cao, hơn, trượng, bước, lên, vỗ, vào, ngựa, hí, dài, mây, tiếng, mặc, cầm, roi,</td><td>Chú bé, trắng sẫm, oai phong, vang dội, áo giáp</td><td>lầm liệt</td></tr></table>		Từ đơn	Từ phức		Từ ghép	Từ láy	vùng, dãy, một, cái, bỗng, biến, thành, một, mình, cao, hơn, trượng, bước, lên, vỗ, vào, ngựa, hí, dài, mây, tiếng, mặc, cầm, roi,	Chú bé, trắng sẫm, oai phong, vang dội, áo giáp	lầm liệt
Từ đơn	Từ phức									
	Từ ghép	Từ láy								
vùng, dãy, một, cái, bỗng, biến, thành, một, mình, cao, hơn, trượng, bước, lên, vỗ, vào, ngựa, hí, dài, mây, tiếng, mặc, cầm, roi,	Chú bé, trắng sẫm, oai phong, vang dội, áo giáp	lầm liệt								

nhảy, lên, mình, ngựa		
--------------------------	--	--

Bài tập 2

Từ ghép: giã thóc, giần sàng, bắt đầu, dự thi, nồi cơm, cán cung, dây lưng

Từ láy: nho nhỏ, khéo léo

Bài tập 3: Tạo các từ ghép

- a. con ngựa, ngựa đực
- b. ngựa sắt, sắt thép
- c. kì thi, thi đua
- d. áo quần, áo giáp, áo dài

Bài tập 4: Tạo các từ láy

- a. nho nhỏ, nhỏ nhắn
- b. khoẻ khoắn
- c. óng ánh (từ láy đặc biệt, vì cùng khuyết phụ âm đầu).
- d. dẻo dai

Bài tập 5

Nếu thay từ “thoăn thoắt” bằng từ “nhanh chóng” thì chỉ giúp người đọc hình dung được mức độ tham gia hoạt động (ngay lập tức tham gia) của người dự thi, không hình dung được động tác của người dự thi (nhanh nhẹn và khoẻ mạnh)

Bài tập 6

Nếu dùng từ “khéo” thay cho từ “khéo léo” trong câu văn trên thì độ “khéo” sẽ giảm xuống vì từ láy “khéo léo” giúp ta hình dung được sự việc một cách rõ ràng hơn, cho thấy kinh nghiệm và tài năng của các đội thi khi treo những niêu cơm để dự thi.

Bài tập 7:

Tìm và ghép thành ngữ (cột A) với nghĩa của thành ngữ (cột B) trong bảng dưới đây sao cho phù hợp

A. Thành ngữ	B. Nghĩa thành ngữ
1.Chết như rạ	a.Nhận xét ai làm gì rất nhanh.
2.Mẹ tròn con vuông	b.Lòng oán giận và hận thù với ai đó rất sâu nặng.
3.Cầu được ước thấy	c.Chết rất nhiều
4.Oán nặng thù sâu	d.Điều mong ước trở thành hiện thực.
5.Nhanh như cắt	đ.Việc sinh nở thuận lợi tốt đẹp.
	e.Chỉ những người có hiểu biết hạn hẹp nhưng lại cho mình thông minh, tài giỏi.

→ 1c, 2đ, 3d, 4b, 5a

Bài tập 8:

Đặt câu miêu tả chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn, có dùng thành ngữ “chết như rạ”

Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành khắp các trận địa, giặc chết như rạ.

Bài tập 9

- a. nước chảy đá mòn, nước mặn đồng chua
- b. nằm gai nếm mật, mật ngọt chết ruồi
- c. ngựa quen đường cũ, ngựa non háu đá

Viết ngắn Viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) có sử dụng thành ngữ thể hiện cảm nhận của em về lịch sử đất nước sau khi đọc các văn bản “Thánh Gióng”, “Sự tích Hồ Gươm”	d. nhạt như nước ốc Viết ngắn
---	--